

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

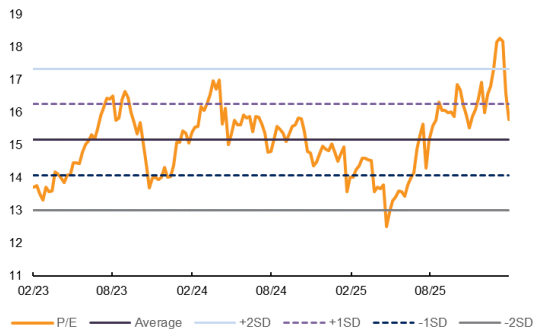
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.814,1	256,5	125,9
1 ngày (%)	1,0	0,2	-0,4
1 tháng (%)	-3,4	1,8	2,8
Từ 2026	1,7	3,1	4,1
1 Năm (%)	43,2	11,8	30,1
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	322	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,6	1,3	0,4
Số mã tăng	273	96	158
Số mã giảm	67	55	78
Số mã tham chiếu	65	145	512

Nguồn: Bloomberg

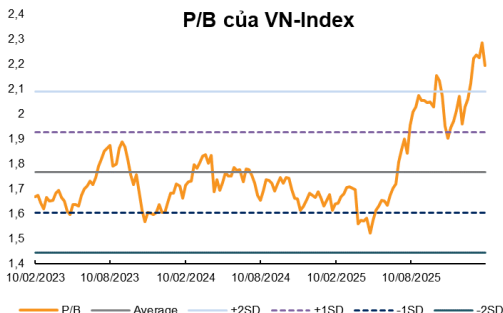
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Nhóm Vingroup nâng đỡ VN-Index duy trì đà phục hồi

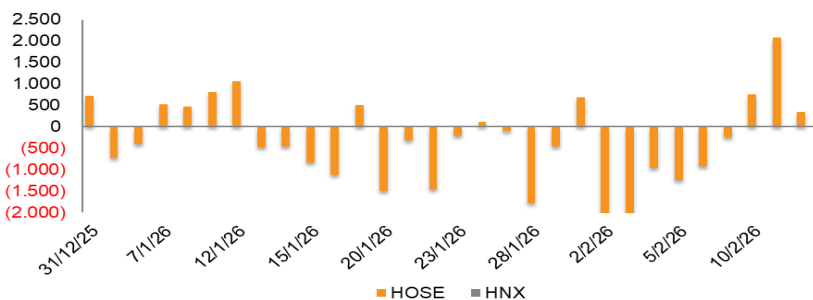
Trong phiên giao dịch ngày 12/02, thị trường tiếp tục duy trì xu hướng hồi phục khi VN-Index mở cửa trong sắc xanh và giữ được đà tăng cho đến cuối phiên. Mặc dù dòng tiền có dấu hiệu suy yếu khi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán đang đến gần, khiến thị trường xuất hiện các nhịp rung lắc dưới áp lực chốt lời, lực đỡ từ nhóm cổ phiếu Vingroup đã đóng vai trò trụ cột, giúp chỉ số giữ vững sắc xanh. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.814,09 điểm, tăng 17,24 điểm (+0,96%) so với phiên liền trước. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 177 mã tăng giá, so với 135 mã giảm.

Chỉ số VN30 cũng duy trì sắc xanh khi đóng cửa tại 2.016,47 điểm, tăng 15,57 điểm (+0,78%). Sắc xanh chiếm ưu thế trong rổ VN30 với 14 mã tăng giá, trong khi có 12 mã giảm. Xét theo nhóm ngành, nhóm Bất động sản (+4%) tăng mạnh và đóng vai trò dẫn dắt thị trường nhờ sự bứt phá của các cổ phiếu thuộc hệ sinh thái Vingroup. Bên cạnh đó, các nhóm Dầu khí (+1,21%) và Bán lẻ (+1,06%) cũng ghi nhận diễn biến tích cực. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh tập trung tại các nhóm Ngân hàng (-0,45%), Bảo hiểm (-1,24%) và Dịch vụ tiện ích (-0,22%).

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE chỉ đạt hơn 14,7 nghìn tỷ đồng, giảm 38,5% so với phiên trước và thấp hơn khoảng 51% so với mức bình quân 20 phiên gần nhất. Việc thanh khoản sụt giảm mạnh trước kỳ nghỉ lễ phản ánh tâm lý thận trọng và xu hướng tạm thời đứng ngoài của dòng tiền ngắn hạn. Về mặt kỹ thuật, vùng hỗ trợ ngắn hạn của VN-Index hiện được xác định quanh mốc 1.740 điểm, trong khi vùng kháng cự gần nhất nằm tại khoảng 1.830 điểm. Trong bối cảnh thanh khoản suy yếu, nhà đầu tư cần tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường và duy trì kỷ luật đầu tư. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao, nên tận dụng các nhịp hồi để cơ cấu danh mục, giảm tỷ trọng tại các cổ phiếu có diễn biến kém hơn thị trường chung và hạn chế mua đuổi ở những mã đã tăng nóng. Với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao, chiến lược phù hợp là kiên nhẫn quan sát điểm cân bằng của các nhóm ngành đã điều chỉnh sâu và chỉ giải ngân thăm dò tại các vùng hỗ trợ mạnh đối với các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				%thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,8	154,2	4,0	0,5	2,2	1,8	41,6	7,8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,7	24,6	5,8	-0,1	-1,3	-2,0	14,4	9,1
Năng lượng	2,6	24,4	2,3	1,2	20,2	42,6	61,3	-27,8
Tài chính	39,2	12,3	1,9	-0,4	-4,4	6,4	29,6	-38,3
Chăm sóc sức khỏe	0,5	38,8	2,9	0,1	3,8	4,6	13,9	77,0
Công nghiệp	7,3	23,2	5,3	0,3	-4,4	-4,0	55,1	23,4
Công nghệ thông tin	2,2	19,2	4,4	0,2	0,4	4,7	-17,8	-27,8
Vật liệu xây dựng	6,2	20,1	1,9	0,1	2,7	12,3	17,7	-48,3
Bất động sản	24,6	62,6	5,7	4,5	-5,9	-7,1	459,7	-10,8
Dịch vụ tiện ích	4,6	18,1	2,9	-0,3	3,6	27,5	40,2	-2,7

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Báo cáo việc làm tháng 1 2026 của Mỹ cho thấy thị trường lao động Mỹ bất ngờ hồi phục mạnh khi tạo thêm 130 nghìn việc làm trong tháng 1, vượt xa kỳ vọng của thị trường. Dữ liệu này cũng ghi nhận tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ xuống 4,3% từ mức 4,4%, củng cố nhận định nền kinh tế Mỹ đang vận hành ổn định.
- Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê Trung Quốc, chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần tháng 1 2026 tại nước này tăng 0,2% svck, thu hẹp so với mức tăng 0,8% svck của tháng trước và thấp hơn mức dự báo tăng 0,4% svck. Trong khi chỉ số giá sản xuất PPI toàn phần trong tháng 1 ghi nhận mức giảm 1,4% svck, thu hẹp so với mức giảm 1,9% svck của trước và gần khớp với mức giảm 1,5% theo dự báo. Các dữ liệu này cho thấy lạm phát tiêu dùng tại Trung Quốc vẫn thấp hơn kỳ vọng của thị trường, phản ánh nhu cầu trong nước vẫn yếu.
- Nghị viện châu Âu đã thông qua mục tiêu cắt giảm 90% khí thải nhà kính vào năm 2040 so với mức năm 1990, điều này sẽ thúc đẩy đầu tư lớn vào công nghệ xanh và năng lượng tái tạo trong thập kỷ tới. Quyết định này có tác động rộng lớn tới các ngành công nghiệp châu Âu, đặc biệt là sản xuất năng lượng sạch, ô tô điện và hạ tầng xanh. Đây là tín hiệu tích cực cho thị trường carbon và thúc đẩy dòng vốn ESG toàn cầu.

Tin vĩ mô trong nước

- Vốn FDI giải ngân trong tháng 1/2026 đạt 1,68 tỷ USD — mức cao nhất trong 5 năm qua, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường kinh doanh của Việt Nam. Tuy nhiên, tổng vốn FDI đăng ký giảm mạnh, chủ yếu do yếu tố so sánh cao cùng kỳ năm trước.
- Nhiều doanh nghiệp cam kết hành động tại Trung tâm Tài chính Quốc tế với vai trò là nhà sáng lập và đối tác chiến lược, giúp tăng sức hút vốn quốc tế và mở rộng mạng lưới tài chính tại Việt Nam. Đáng chú ý, công ty quỹ quản lý tài sản VPAM có trụ sở tại Singapore cam kết huy động tới 10 tỷ USD cho các khoản đầu tư liên quan đến Trung tâm Tài chính Quốc tế Việt Nam trong vòng 5 năm tới, thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ từ các nhà quản lý tài sản quốc tế vào thị trường tài chính Việt Nam và triển vọng tăng trưởng tín dụng, vốn quốc tế.
- Quảng Ninh khởi công dự án cửa khẩu biên giới thông minh với Trung Quốc, thúc đẩy thương mại biên giới và logistics qua cửa khẩu Móng Cái, từ đó kỳ vọng tăng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và hoạt động thương mại biên mậu trong năm 2026.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **LPBS** – CTCP Chứng khoán LPBank dự kiến thực hiện IPO tối đa gần 142 triệu cổ phiếu với giá chào bán 30.000 đồng/cổ phiếu trong quý 1/2026, kỳ vọng huy động khoảng 4,3 nghìn tỷ đồng nhằm mở rộng vốn hoạt động.
- **SMC** – CTCP Đầu tư thương mại SMC tiếp tục triển khai kế hoạch thoái vốn, bán tài sản tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I và chấm dứt dự án sản xuất thép sau cán. Đồng thời, doanh nghiệp đang thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại hệ thống, tăng vốn điều lệ và đẩy mạnh thu hồi công nợ nhằm xử lý tình trạng thiếu hụt thanh khoản, hướng tới cải thiện hiệu quả kinh doanh trong năm 2026.
- **CMG** – Tập đoàn CMC điều chỉnh kế hoạch thành lập công ty CMC Invest với vốn điều lệ tối đa 100 tỷ đồng, đồng thời mở rộng lĩnh vực đầu tư công nghệ và các startup đổi mới sáng tạo.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Theo Cục Thống kê Lao động Mỹ, bằng lương phi nông nghiệp tăng thêm 130.000 trong tháng Một, mức tăng mạnh nhất trong hơn một năm, trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 4,3% từ mức 4,4% trong tháng Mười hai. Kết quả này cho thấy thị trường lao động ổn định vào đầu năm 2026. Dữ liệu củng cố quan điểm của Fed trong việc giữ nguyên lãi suất, với thị trường hiện kỳ vọng đợt cắt giảm tiếp theo vào tháng Bảy thay vì tháng Sáu, dù dự báo tổng mức cắt giảm trong năm vẫn ở mức 50 điểm cơ bản. Thị trường chuyển sự chú ý sang báo cáo CPI tháng Một sẽ được công bố vào thứ Sáu để đánh giá rõ hơn xu hướng lạm phát. Chỉ số DXY giữ ở mức ~96,6 sau khi dữ liệu được công bố, trong khi tỷ giá USDVND vẫn ổn định quanh ~25.970.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,76	0,2	6,2	15,5	55,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/h)	8,45	-13,2	131,5	412,1	50,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8,52	-6,4	41,5	3,3	65,4
USD/VND	25.962	0,1	1,2	1,3	-1,5
DXY	96,79	0,0	-2,1	-1,6	-10,3
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,17	-0,2	-0,2	0,0	-9,9
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,56	-0,3	-0,9	0,5	-18,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.060,40	-0,2	9,7	16,6	74,0
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	64,53	-0,2	8,5	12,4	-9,6
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	69,25	-0,2	8,4	13,8	-7,9
Thép (USD/tấn)	465,6	-0,1	-1,4	-1,2	-8,3
Thịt heo (USD/kg)	1,7	-0,2	-9,6	-8,7	-20,2
Gạo (USD/tấn)	503,3	-0,4	11,1	15,6	-19,7
Phân urea (USD/tấn)	425,0	3,7	19,7	24,1	17,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 10/02/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 12.2025
Thứ Tư 11/02/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 1.2026
	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 1.2026
Thứ Sáu 13/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.424	4,6	3.481	53.800	73.300	37,3%	1,0%	17,8	2,8	17%
AST	127	0,0	5	73.000	85.400	20,4%	3,4%	13,3	5,6	45%
HVN	3.242	1,5	691	27.050	43.400	62,7%	2,3%	10,5	14,0	
VJC	3.505	13,6	820	168.000	113.600	-31,8%	0,6%	44,6	4,0	10%
Bán lẻ										
BAF	446	4,0	204	38.100	37.200	-2,4%		70,6	2,9	3%
DGW	431	4,7	115	50.600	49.600	-1,0%	1,0%	20,3	3,3	17%
FRT	1.095	3,4	180	167.000	150.300	-9,8%	0,2%	35,8	5,5	26%
MCH	7.443	2,5	2.594	149.000	147.000	0,0%	1,4%	28,9	10,7	46%
MWG	5.290	22,6	79	92.900	96.300	4,7%	1,1%	19,4	4,2	23%
PNJ	1.557	5,6	19	118.500	109.900	-6,4%	0,8%	14,7	3,0	23%
QNS	694	0,3	282	49.000	53.400	11,0%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.411	3,5	1.003	48.800	59.900	26,8%	4,1%	14,6	3,0	20%
VHC	520	2,9	411	60.100	71.300	22,0%	3,3%	9,9	1,4	15%
VNM	5.555	16,6	2.756	69.000	74.800	12,5%	4,1%	17,1	4,7	27%
Tài chính										
ACB	4.719	10,9	119	23.850	31.300	34,9%	3,6%	7,8	1,3	18%
BID	12.860	12,8	1.626	47.550	47.200	0,2%	0,9%	11,1	2,0	19%
CTG	11.368	21,0	522	38.000	49.000	29,8%	0,8%	8,5	1,7	21%
HDB	5.369	20,7	227	27.850	39.500	44,1%	2,3%	7,8	1,8	25%
LPB	4.815	3,1	203	41.850	33.400	-14,2%	6,0%	10,9	2,6	25%
MBB	8.796	28,6	1	28.350	32.900	17,8%	1,8%	8,5	1,7	22%
STB	4.437	25,9	684	61.100	45.700	-24,2%	1,0%	19,4	1,9	10%
TCB	9.676	15,8	0	35.450	40.300	16,5%	2,8%	9,9	1,5	16%
TPB	1.832	6,0	93	17.150	17.800	9,3%	5,6%	6,4	1,1	18%
VCB	20.662	21,3	1.886	64.200	69.300	8,6%	0,7%	15,2	2,4	17%
VIB	2.242	4,1	5	17.100	23.600	41,6%	3,6%	8,0	1,2	16%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.633	21,7	442	28.250	37.100	33,1%	1,8%	9,3	1,3	15%
Dệt may										
MSH	159	0,8	69	36.800	40.600	21,2%	10,9%	6,8	2,2	33%
TCM	113	1,5	2	26.250	29.800	15,4%	1,9%	12,1	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.504	2,4	818	62.800	68.600	11,0%	1,8%	18,8	2,9	16%
GMD	1.224	3,9	124	74.500	72.000	-0,7%	2,7%	20,4	2,4	12%
HAH	377	4,2	87	58.000	55.400	-3,2%	1,3%	8,4	2,2	29%
VSC	350	7,5	162	24.300	19.100	-19,3%	2,1%	26,7	1,7	7%
IDC	678	5,1	234	46.400	45.600	1,5%	3,2%	9,1	2,7	32%
KBC	1.248	6,1	473	34.400	30.000	-11,7%	1,1%	13,9	1,3	10%
PHR	308	1,5	111	59.000	68.400	18,2%	2,3%	16,9	2,0	13%
VTP	478	3,3	208	102.000	129.200	27,7%	1,1%	35,6	7,0	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	992	13,4	431	67.800	128.300	93,7%	4,4%	9,1	1,7	20%
HPG	7.953	35,7	2.241	26.900	30.000	12,6%	1,1%	13,4	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	4.610	12,5	2.179	23.900	16.700	-28,3%	1,8%	23,1	2,1	4%
GAS	9.424	9,4	4.396	101.400	78.400	-20,7%	2,0%	21,5	3,7	18%
OIL	625	2,5	38	15.700	14.800	-4,1%	1,6%	49,7	1,6	3%
PLX	2.530	10,6	113	51.700	47.700	-5,4%	2,3%	27,5	2,5	10%
PVD	710	10,2	258	33.150	32.600	5,9%	7,5%	20,3	1,1	6%
PVS	865	11,3	278	43.900	41.800	-3,3%	1,5%	12,3	1,5	13%
PVT	365	3,6	140	20.150	23.400	17,3%	1,1%	9,1	1,1	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	655	4,2	293	25.000	22.700	-5,7%	3,5%	16,6	1,5	10%
DCM	793	3,7	346	38.900	40.000	8,0%	5,1%	12,5	1,9	16%
DDV	161	1,3	74	28.600	39.700	42,0%	3,1%	24,8	2,4	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	93	0,8	44	29.800	34.100	16,1%	1,7%	177,4	1,8	9%
Điện										
POW	1.572	6,9	710	13.300	14.400	9,5%	1,2%	16,1	1,1	7%
Điện và BĐS										
HDG	382	2,6	117	26.800	37.400	41,1%	1,5%	14,1	1,5	11%
PC1	406	4,1	142	25.600	26.500			11,4	1,6	15%
REE	1.294	1,2	0	62.000	76.600	25,2%	1,6%	13,3	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	675	8,5	187	15.750	18.300	28,9%	12,7%	68,2	1,2	2%
KDH	1.232	6,6	280	28.500	41.800	47,7%	1,0%	32,5	1,7	5%
NLG	555	2,9	42	29.700	42.200	43,6%	1,5%	20,3	1,1	6%
VHM	17.245	30,4	7.227	109.000	93.600			10,9	1,9	19%
VRE	2.621	12,8	969	29.950	32.000	10,4%	3,5%	10,6	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.483	28,9	647	98.800	118.200	20,6%	1,0%	17,9	4,6	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn

giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hóa

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA